

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔ TÔ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:08/2017/HS-ST
Ngày 26/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔ TÔ, TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Hồng Thắng.

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Quảng
2. Ông Nguyễn Cao Kỳ

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thành -Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Định - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cô Tô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2017/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 08/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải Q;

Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1997, tại huyện NX , tỉnh HT ;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TX , xã ĐT, huyện CT, tỉnh Q N;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh;

Con ông Nguyễn Hải Đ (đã chết) và bà Trịnh Thị L; Vợ con: chưa có; Tiền án: Chưa; Tiền sự: có 02 tiền sự, ngày 02/9/2016 bị công an thị trấn Cô Tô xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; ngày 17/10/2016 bị công an huyện Cô Tô xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau; Nhân thân: ngày 28/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cô Tô xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; ngày 16/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Cô Tô xử phạt 07 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” ngày 19/12/2015 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo ra đầu thú ngày 28/5/2017 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 16/11/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại, Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Đức Th;

Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1993, tại huyện CT, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Con ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị M; Vợ là Phạm Thị L và 01 con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 28/5/2017, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại, Có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T; Trú tại: Khu 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt

2. Anh Nguyễn Xuân Ch; Trú tại: Khu 4, thị trấn C T, huyện CT, tỉnh Quảng Ninh, Có mặt

-Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn M; Trú tại: Khu 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Quảng Ninh;
Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Xuân G; Trú tại: Khu 4, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2017 Nguyễn Hải Q, Bùi Đức Th, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Xuân Ch có quan hệ quen biết rủ nhau đến bè ở Âu cảng của anh Ngô Văn C để chơi. Khi Q, Th, anh T và anh Ch đến bè của anh C thì Q bỏ bộ đồ sử dụng ma túy (Q chuẩn bị từ trước), Q cho ma túy vào đồ sử dụng và bảo mọi người sử dụng. Lúc này anh C đi đến bè lên Q dừng lại, sợ bị phát hiện, Q cất đồ sử dụng ma túy vào túi quần. Khoảng 20 phút sau, Th bảo mọi người đến khu vực H V thuộc xã Đ T để uống bia. Th điều khiển xe mô tô BKS 14K6 – 96.. chở Q đi trước, anh Ch điều khiển xe mô tô BKS 89E1 – 129.. chở anh T đi sau. Trên đường đi do lúc trước chưa sử dụng được ma túy, Q vẫn muốn sử dụng ma túy, Q nói với Th đang khát nước và bảo Th dừng lại mua 01 chai nước lọc uống, mục đích của Q dùng chai nước nắp vào dụng cụ để sử dụng ma túy, Th đồng ý vào quán không rõ tên tại khu vực..... thuộc khu 3, thị trấn C T mua 01 chai nước lavie mở uống một ít rồi đưa cho Q cầm sau đó đi tiếp. Trên đường đi, Q rủ Th đến khu vực đập nước thôn Tr X, xã Đ T, huyện C T để sử dụng ma túy, thấy vậy khi đến gần lối rẽ vào đập nước Trường Xuân, Thập chủ động lấy điện thoại gọi cho anh Ch bảo vào đập nước Tr X sử dụng ma túy, sau đó Th chở Q vào trong đập để Q tìm địa điểm. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày Ch chở T đến gặp Q và Th tại đập nước Tr X, Q bỏ bộ đồ sử dụng ma túy và gói ma túy đá ra cùng Th, anh T, anh Ch sử dụng thì bị Công an huyện C T phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hải Q khai: sau khi không sử dụng được ma túy tại bè của anh C, cả bọn rủ nhau đi lên khu H V, xã Đ T uống bia. Trên đường đi bị cáo rủ Th vào đến khu đập nước Tr X sử dụng ma túy, Th đồng ý. Sau khi bị cáo và Th đến khu đập Tr X được khoảng 05 phút thì T và Ch cũng đến, cả bọn bỏ ma túy ra sử dụng, trong khi đang sử dụng ma túy thì cơ quan công an phát hiện đuổi bắt, bị cáo bỏ chạy và sau đó đến cơ quan công an đầu thú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Đức Th khai: Bị cáo cùng với Q đi một xe máy lên khu H V, xã Đ T để uống bia, trên đường đi Q có rủ bị cáo vào khu đập nước Tr X, xã Đ T để sử dụng ma túy, bị cáo đồng ý. Khi đến lối rẽ vào đập nước Tr X

bị cáo gọi điện cho Ch, rủ Ch vào trong đập nước Tr X sử dụng ma túy. Khoảng 05 phút sau thì Ch và T đến và cả bọn bỏ ma túy ra sử dụng. Trong khi đang sử dụng ma túy thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang bắt giữ.

Người làm chứng Nguyễn Xuân Ch khai: Ch và T đi cùng một xe máy, trên đường đi xuống H V uống bia thì Th gọi điện cho Ch rủ vào khu vực đập nước Tr X, xã Đ T để sử dụng ma túy. Ch đồng ý vì trước đó cả bọn đã có ý định sử dụng ma túy tại bè của anh C ở Âu cảng C T.

Người làm chứng Nguyễn Văn T khai: Trên đường T cùng Ch đi xuống khu HV, xã Đ T, khi đến khu vực đập nước Tr X, Ch đi vào trong đập nước, tại đây T cùng với Ch, Q và Th cùng sử dụng ma túy đá. Trong lúc đang sử dụng ma túy thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang.

Tại các bản kết luận giám định số 342/GĐMT, 343/GĐMT ngày 30/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: trong mẫu nước tiểu của Bùi Đức Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân Ch gửi giám định có chất ma túy loại methamphetamine; chất lỏng trong suốt đựng trong chai nhựa gửi giám định là chất ma túy loại methamphetamine. (*methamphetamine nằm trong danh mục II, stt: 67 - nghị định số 82/2013/NĐCP, ngày 19/7/2013*).

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 45 phút ngày 28/5/2017 tại Công an huyện CT thể hiện: Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/5/2017 tại khu vực rừng gần đập nước Tr X thuộc thôn Tr X, xã Đ T, huyện C T, tỉnh Quảng Ninh, tổ công tác công an huyện C T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T, Bùi Đức Th, Nguyễn Xuân Ch đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy dạng đá. Vật chứng thu giữ gồm: 01 chai nhựa màu trắng nhãn hiệu Lavie bên trong có khoảng 350ml nước màu trắng, trên miệng chai có dây 01 nắp màu xanh, trên nắp có đục 02 lỗ hình tròn gắn 02 ống nhựa màu đen; 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen KT (24,5x0,5)cm; 01 đoạn ống hút nhựa màu đen KT (7,6x0,5)cm; 01 đoạn ống nhựa màu đen được cắt vát 01 đầu KT (12x0,5)cm; 01 bật lửa gas màu xanh nước biển đã được tháo bỏ phần kim loại bảo vệ phía trước và được gắn thêm phần “đầu đốt”; 01 bật lửa màu xanh nõn chuối đã được tháo phần kim loại bảo vệ phía trên. Thu giữ của Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell; của Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1; của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S và 300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/KSĐT-HS ngày 20/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện C T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th về tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 258 của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 1 Điều 200; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật hình sự (1999). đối với hai bị cáo, riêng bị cáo Th áp dụng thêm Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật hình sự (1999). Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Q với mức hình phạt

từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Xử phạt bị cáo Bùi Đức Th với mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 nắp chai nhựa màu xanh, 03 đoạn ống nhựa và 02 chiếc bật lửa ga; Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell của Bùi Đức Th; Trả lại cho anh Nguyễn Xuân Ch 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1; Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S và 300.000đồng, theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và các điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại phiên tòa hai bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào trưa ngày 28/5/2017, do không sử dụng được ma túy tại nhà bè của anh Ngô Văn C ở Âu cảng C T, bị cáo Nguyễn Hải Q đã rủ Bùi Đức Th đến khu vực đập nước Tr X thuộc thôn Tr X, xã Đ T, huyện C T tiếp tục sử dụng chất ma túy. Bị cáo Bùi Đức Th đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân Ch, rủ Ch đến cùng sử dụng chất ma túy, đi cùng Ch còn có Nguyễn Văn T. Khoảng 15 giờ 30 phút cả bọn đang sử dụng chất ma túy (*loại methamphetamine*) thì bị cơ quan công an huyện C T phát hiện bắt quả tang.

Về tội danh: Hành vi rủ Bùi Đức Th (*không phải là người nghiện chất ma túy*) của bị cáo Nguyễn Hải Q và hành vi gọi điện thoại rủ Nguyễn Xuân Ch (*cũng không phải là người nghiện chất ma túy*) của bị cáo Bùi Đức Th sử dụng trái phép chất ma túy đã phạm vào tội “Lôi kéo người khác sử dụng chất ma túy” qui định tại Điều 200 của Bộ luật hình sự (1999). Viện kiểm sát nhân dân huyện C T truy tố hai bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy. Ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng tệ nạn sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hải Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Cô Tô hai lần kết án về tội Trộm cắp tài sản vào tháng 11/2013 và tháng 4/2015, cả hai lần bị kết án này bị cáo Q đều phạm tội khi chưa thành niên, nên đã được xóa án tích theo qui định tại điều 107 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Tuy nhiên vào ngày 02/9/2016 bị công an thị trấn C T và ngày 17/10/2016 bị công an huyện C T xử phạt vi phạm hành chính đều về hành vi đánh nhau. Bị cáo Bùi Đức Th trước khi phạm tội chưa từng vi phạm pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù có nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy cùng với các bị cáo, nhưng hai bị cáo rủ rê người khác sử dụng chất ma

túy không có tổ chức, hành vi rủ rê lôi kéo người khác sử dụng chất ma túy của hai bị cáo có tính độc lập với nhau. Mỗi bị cáo chỉ có hành vi rủ một người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng, nên chỉ phạm tội thuộc khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 200 của bộ luật hình sự (năm 1999) qui định:

“ 1. Người nào cưỡng bức hoặc lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Tuy nhiên tại khoản Điều 1 Điều 258 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 qui định về Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy lại qui định *“ 1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.* Nên căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 100/ 2015/ QH13 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, áp dụng Điều 258 của Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 để xử lý đối với các bị cáo vì Điều 258 của Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 có lợi cho các bị cáo hơn Điều 200 của bộ luật hình sự (năm 1999).

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Hải Q là người chuẩn bị chất ma túy, dụng cụ sử dụng chất ma túy và chủ động tìm địa điểm sử dụng chất ma túy, trực tiếp rủ rê lôi kéo bị cáo Th cùng sử dụng chất ma túy, nên bị cáo Q vừa là người khởi xướng vừa là người thực hành giữ có vai trò chính trong vụ án. Còn bị cáo Th vừa là người bị lôi kéo nhưng cũng là người thực hành chủ động gọi thêm người khác đến để cùng sử dụng ma túy, tính chất phạm tội ít nghiêm trọng , nên có vai trò sau bị cáo Q.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hải Q khi bị phát hiện đã bỏ chạy, nhưng ngay sau đó đã đến cơ quan công an đầu thú khai báo thành khẩn, nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q theo qui định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Đức Th sau khi bị bắt quả tang đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Th theo qui định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về mức hình phạt và biện pháp giáo dục cải tạo: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và vai trò của các bị cáo trong vụ án xét thấy cần xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Q với mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo phải tập trung cải tạo. Đối với bị cáo Bùi Đức Th lần đầu phạm tội, mức độ phạm tội không lớn, tính chất phạm tội ít nghiêm trọng, đã nhận thức được tội lỗi mong muốn được tạo cơ hội sửa chữa. Con của bị cáo còn nhỏ và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên xử phạt bị cáo Bùi Đức Th với mức hình phạt thấp hơn bị cáo Q và ở mức dưới khung hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt, theo qui định tại Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không vì mục đích vụ lợi, điều kiện kinh

tế của các bị cáo khó khăn, các bị cáo đều không có việc làm ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Khi bắt người có hành vi phạm tội quả tang, cơ quan công an có thu giữ tại hiện trường và trong người những đối tượng bị bắt giữ vật chứng gồm: 01 chai nhựa màu trắng nhãn hiệu Lavie bên trong có khoảng 350ml nước trong suốt, trên miệng chai có đậy một nắp chai nhựa màu xanh có đục 02 lỗ hình tròn; 03 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen; 01 bật lửa gas màu xanh nước biển đã được tháo bỏ phần kim loại bảo vệ phía trước và được gắn thêm phần “đầu đốt”; 01 bật lửa màu xanh nồn chuối đã được tháo phần kim loại bảo vệ phía trên. Số vật chứng trên là những công cụ dùng vào việc sử dụng ma túy, trừ 01 chai nhựa màu trắng nhãn hiệu Lavie đã đưa đi giám định, cơ quan giám định không hoàn lại. Còn 01 nắp chai nhựa màu xanh, 03 đoạn ống nhựa và 02 chiếc bật lửa ga không còn giá trị lên tịch thu tiêu hủy. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell thu của bị cáo Bùi Đức Th đây là công cụ Th dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 thu của Nguyễn Xuân Ch đây là tài sản của Ch không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho Ch. 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S và 300.000 đồng, thu của Nguyễn Văn T đây là tài sản của Tiến không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho T.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định tại khoản 1 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th phạm tội “*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 258 của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 1 Điều 200; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật hình sự (1999). Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải Q 12(Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi những ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 28/5/2017 đến ngày 16/11/2017).

Áp dụng: khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 258 của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 1 Điều 200; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 33; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự (1999). Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức Th 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2017)

Giao bị cáo Bùi Đức Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Bùi Đức Th có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và các điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 nắp chai nhựa màu xanh, 03 đoạn ống nhựa và 02 chiếc bật lửa ga; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell; Trả lại cho anh Nguyễn Xuân Ch 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1; Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa công an huyện C T và Chi cục thi hành án dân sự huyện C T ngày 27/9/2017*). Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000482 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C T.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hai bị cáo Nguyễn Hải Q và Bùi Đức Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2017).

Nơi nhận:

- Các bị cáo .
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND.H. C T;
- Công an.H.C T;
- Chi cục THADS.H. C T;
- TAND tỉnh Q.Ninh;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hồng Thắng